

Bản án số:18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 10 - 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trung;
2. Bà Huỳnh Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:178/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1995 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Long B, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1998 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2017, chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đám cưới chị T và anh H chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung tên là Nguyễn Kim T, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2018 (đang sống chung với chị T). Sau đó, chị T và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân anh H lo ăn chơi, nhậu nhẹt, có khi anh H bỏ đi đâu liên tiếp từ 03 đến 10 ngày mà không nói cho chị T biết; anh H không

lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ, con. Chị T và anh H đã cố gắng gặp nhau để hàn gắn mâu thuẫn, đoàn tụ lại nhưng không được.

Nay chị Nguyễn Thị Kim T nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài được nữa, nên chị T xin ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Kim T, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2018 (đang sống chung với chị T), chị T xin được nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Nguyễn Văn H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân thị xã H đã triệu tập và tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn H đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, nhưng anh H không có ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng thủ tục tố tụng; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T với anh H; về nuôi con chung: Chị T nuôi dưỡng cháu T; về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Kim T khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn H được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] *Về hôn nhân:* Từ năm 2017 cho đến nay, chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống

với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[5] Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim T với anh Nguyễn Văn H.

[6] *Về nuôi con chung*: Nguyễn Kim T, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2018 đang sống chung với chị T, chị T xin nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng, còn anh H không có ý kiến phản đối với yêu cầu của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Do đó, chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Chị T không yêu cầu anh H thực thiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên không xem xét giải quyết. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[7] *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T với anh H; về nuôi con chung: Chị T nuôi dưỡng cháu T; về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[10] *Về án phí*: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Vậy, chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim T với anh Nguyễn Văn H.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nguyễn Kim T, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2018.

(Cháu Nguyễn Kim T đang sống chung với chị Nguyễn Thị Kim T).

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Kim T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số:0005217 ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; chị Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30 tháng 10 năm 2018); đối với anh Nguyễn Văn H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung